

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ APEC VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ APEC VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: APEC VIETNAM SERVICE TRADING INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: APEC VIETNAM SERVICE TRADING INVESTMENT .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110609919

3. Ngày thành lập: 22/01/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 3, Số nhà 01-02, dãy C5 Khu đô thị Geleximco, đường Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02439191222

Fax:

Email: apecvietnam.jsc@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ hoạt động đấu giá)	4610
2.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm)	4620
3.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
4.	Bán buôn thực phẩm	4632
5.	Bán buôn đồ uống	4633
6.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào (Theo Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá ngày 18 tháng 6 năm 2012)	4634
7.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;	4649
8.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Tổ chức sự kiện	8230
9.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
10.	Quảng cáo	7310

11.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định về kinh doanh rượu, được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020)	4711
12.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
13.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
14.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (Theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định về kinh doanh rượu, được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020)	4723
15.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh (Theo Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá ngày 18 tháng 6 năm 2012)	4724
16.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
17.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
18.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
19.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
20.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
21.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
22.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
23.	Sản xuất đường	1072
24.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
25.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
26.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
27.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
28.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không gồm hoạt động kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường)	5610(Chính)
29.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621

30.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: - Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống; - Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, ví dụ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không, xí nghiệp vận tải hành khách đường sắt; - Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự; - Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ căng tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền. - Hoạt động cung cấp suất ăn công nghiệp cho các nhà máy, xí nghiệp	5629
31.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không gồm hoạt động kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường)	5630
32.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
33.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
34.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
35.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

6. Vốn điều lệ: 1.560.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 156.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	DƯƠNG THỊ YẾN	2102, Tòa A14a2 KĐT Nam Trung Yên, đường Nguyễn Chánh, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	49.920	499.200.000	32,000	0318890128 00	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	49.920	499.200.000	32,000		
2	NGUYỄN QUYẾT TIẾN	Căn hộ 1706 CT2B, Lô No23, đường Lý Sơn, Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	56.160	561.600.000	36,000	0300800201 09	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	56.160	561.600.000	36,000		

3	PHAN VĂN HIỀN	L15-18, Khu A KĐT Dương Nội, đường Tố Hữu, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	49.920	499.200.000	32,000	0300820024 29
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	49.920	499.200.000	32,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Ho và tên: NGUYỄN QUYẾT TIỀN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 15/02/1980

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 030080020109

Ngày cấp: 14/08/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Căn hộ 1706 CT2B, Lô No23, đường Lý Sơn, Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Căn hộ 1706 CT2B, Lô No23, đường Lý Sơn, Phường Thượng Thanh,
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội